

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 14
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	15 - 41

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần PGT Holdings (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần PGT Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 đăng ký lần đầu ngày ngày 06 tháng 09 năm 2007, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 10) vào ngày 10 tháng 07 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 92.418.010.000 đồng (Chín mươi hai tỷ bốn trăm mười tám triệu không trăm mười nghìn đồng).

Mã chứng khoán của Công ty là PGT

Hoạt động của Công ty là:

- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe buýt, xe taxi; Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Đại lý bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy;
- Kinh doanh nhà, môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo dạy nghề, cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển; Cho thuê kho; Môi giới thương mại;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông; Khai thác cát, sỏi đá xây dựng, đá lát đường, khoáng sản;
- Mua bán gas, dầu nhớt các loại, hàng nông lâm thủy sản nguyên liệu ngành xăng dầu - công nghiệp - nông nghiệp, lương thực thực phẩm;
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, máy nổ - động cơ có máy nổ và phụ tùng linh kiện thay thế, ô tô;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe các loại; Thi công cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm: Giới thiệu lao động;
- Hoạt động cấp tín dụng khác: Dịch vụ cầm đồ;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác: Quỹ tín dụng nhân dân;
- Cho thuê xe ô tô;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); tổ chức sự kiện và các dịch vụ liên quan;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác có liên quan đến máy vi tính;
- Dịch vụ tư vấn du học.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Kakazu Shogo	Chủ tịch
- Ông Ryotaro Ohtake	Thành viên
- Ông Shimabukuro Yoshihiko	Thành viên
- Bà Phạm Thị Thoa	Thành viên
- Ông Lê Minh Đức	Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Quốc Duy	Trưởng ban
- Ông Nguyễn Minh Dương	Thành viên
- Bà Bùi Thị Ngà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Kakazu Shogo	Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật
- Bà Nguyễn Thị Thanh Chi	Phó Tổng Giám đốc [bổ nhiệm ngày 15/11/2018]
- Bà Lê Ngọc Thanh Tuyền	Kế toán trưởng [bổ nhiệm ngày 15/11/2018]

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Tại ngày 06 tháng 08 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 70.000 cổ phần với số tiền 19.650.436.818 đồng từ các cổ đông của Công ty TNHH BMF MICROFINANCE để sở hữu 70,00% vốn điều lệ của Công ty TNHH BMF MICROFINANCE.

Tại ngày 28 tháng 12 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng trị giá phần vốn góp 11.600.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty tại Công ty TNHH Vina Terrace Hotels cho Công ty Cổ phần VIETNAM MANPOWER SUPPLY với giá trị chuyển nhượng là 11.600.000.000 đồng.

Ngoài sự việc nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2019/NQ-HĐQT-PGT ngày 25/01/2019, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần PGT Holdings thông qua việc mua lại phần vốn góp 11.600.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Vina Terrace Hotels từ Công ty Cổ phần VIETNAM MANPOWER SUPPLY với giá chuyển nhượng 12.500.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 01 năm 2019 Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Vina Terrace Hotels với số tiền 12.500.000.000 đồng. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 01 năm 2019, Công ty Cổ phần PGT Holdings đã ký kết Hợp đồng chuyển giao toàn bộ quyền kinh doanh của Công ty TNHH Vina Terrace Hotels mà Công ty đang sở hữu cho Inoshita Group Co., Ltd với giá chuyển giao quyền kinh doanh là 85 triệu Yên tương đương 17.978.428.200 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Hội đồng Quản trị Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

9. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Đại diện Hội đồng Quản trị



Kakazu Shogo

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: 030/2019/BCKT-PKF.HCMC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần PGT Holdings, được lập ngày 22 tháng 03 năm 2019, từ trang 08 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần PGT Holdings chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần PGT Holdings tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1

A blue ink handwritten signature of Nguyễn Thị Hoàng Vân.

Nguyễn Thị Hoàng Vân
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1561-2017-242-1



CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.316.110.732	43.217.103.474
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	21.976.033.824	14.931.463.793
Tiền	111		1.476.033.824	931.463.793
Các khoản tương đương tiền	112		20.500.000.000	14.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2a	-	1.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.999.199.965	25.512.977.918
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	35.993.912.208	35.993.912.208
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.642.945.961	973.941.961
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	2.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5a	26.880.808.307	26.527.670.260
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(40.518.466.511)	(39.982.546.511)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		40.511.921	40.511.921
Hàng tồn kho	141		40.511.921	40.511.921
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.300.365.022	1.732.149.842
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7a	242.054.005	102.250.184
Thuế GTGT được khấu trừ	152		418.308.378	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	1.640.002.639	1.629.899.658
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.131.237.478	25.074.948.630
Các khoản phải thu dài hạn	210		371.528.160	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5b	371.528.160	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		17.355.420	22.984.212
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	17.355.420	22.984.212
- Nguyên giá	222		291.287.094	291.287.094
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(273.931.674)	(268.302.882)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		43.000.000	43.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(43.000.000)	(43.000.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2b	38.650.436.818	25.051.964.418
Đầu tư vào công ty con	251		38.650.436.818	30.600.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(5.548.035.582)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		91.917.080	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7b	91.917.080	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		88.447.348.210	68.292.052.104

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		21.972.005.627	2.096.125.893
Nợ ngắn hạn	310		21.972.005.627	2.096.125.893
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	60.950.030	287.997.165
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.080.120	2.796.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	390.166.777	447.352.304
Phải trả người lao động	314		291.826.666	186.335.560
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		19.200.000	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1.351.741.928	1.171.386.508
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	19.844.781.750	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		258.356	258.356
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.475.342.583	66.195.926.211
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	66.475.342.583	66.195.926.211
Vốn góp của chủ sở hữu	411		92.418.010.000	92.418.010.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92.418.010.000	92.418.010.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		55.260.000	55.260.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		(1.744.349.375)	(1.744.349.375)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.705.559.758	1.705.559.758
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(25.959.137.800)	(26.238.554.172)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(26.238.554.172)	(18.458.031.138)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		279.416.372	(7.780.523.034)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		88.447.348.210	68.292.052.104

Ngày 22 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**




Lê Ngọc Thanh Tuyền

Lê Ngọc Thanh Tuyền

Kakazu Shogo

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	18.698.400	3.099.528.273
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	18.698.400	3.099.528.273
Giá vốn hàng bán	11	6.2	12.534.284	251.202.603
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.164.116	2.848.325.670
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	250.537.046	897.747.198
Chi phí tài chính	22	6.4	(5.128.934.581)	2.932.909.958
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.052.343.891	8.506.992.703
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.666.708.148)	(7.693.829.793)
Thu nhập khác	31	6.6	2.017.890.520	-
Chi phí khác	32	6.7	71.766.000	86.693.241
Lợi nhuận khác	40		1.946.124.520	(86.693.241)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		279.416.372	(7.780.523.034)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		279.416.372	(7.780.523.034)

Ngày 22 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Lê Ngọc Thanh Tuyền

Lê Ngọc Thanh Tuyền

Kakazu Shogo

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	279.416.372	(7.780.523.034)
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.628.792	5.628.792
- Các khoản dự phòng	03	(5.012.115.582)	5.919.834.343
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	471.358.087	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(85.445.855)	(896.696.942)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.341.158.186)	(2.751.756.841)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.342.168.434	(7.694.677.185)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	(40.511.921)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(48.355.797)	308.137.491
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(231.720.901)	56.996.580
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.751.750.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(1.751.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.472.683.550	(11.873.561.876)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(27.082.764.512)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	35.303.772.267
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(19.650.436.818)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	600.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	169.445.855	857.844.042
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.880.990.963)	9.078.851.797

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(1.739.635.316)
Tiền thu từ đi vay	33	22.800.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.293.720.376)	-
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19.506.279.624	(1.739.635.316)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.931.463.793	19.465.809.188
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(53.402.180)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	21.976.033.824	14.931.463.793

Ngày 22 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Lê Ngọc Thanh Tuyền

Lê Ngọc Thanh Tuyền

Kakazu Shogo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PGT Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 09 năm 2007, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 10) vào ngày 10 tháng 07 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 92.418.010.000 đồng (Chín mươi hai tỷ bốn trăm mười tám triệu không trăm mười nghìn đồng).

Mã chứng khoán của Công ty là PGT.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe buýt, xe taxi; Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Kinh doanh lẻ hành nội địa, quốc tế; Đại lý bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy;
- Kinh doanh nhà, môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo dạy nghề, cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển; Cho thuê kho; Môi giới thương mại;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông; Khai thác cát, sỏi đá xây dựng, đá lát đường, khoáng sản;
- Mua bán gas, dầu nhớt các loại, hàng nông lâm thủy sản nguyên liệu ngành xăng dầu - công nghiệp - nông nghiệp, lương thực thực phẩm;
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, máy nổ - động cơ có máy nổ và phụ tùng linh kiện thay thế, ô tô;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe các loại; Thi công cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm: Giới thiệu lao động;
- Hoạt động cấp tín dụng khác: Dịch vụ cầm đồ;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác: Quỹ tín dụng nhân dân;
- Cho thuê xe ô tô;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); tổ chức sự kiện và các dịch vụ liên quan;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác có liên quan đến máy vi tính;
- Dịch vụ tư vấn du học.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Các công ty con của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

Tên	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:			
Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMP)	70,00%	70,00%	70,00%

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và

Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 06 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 năm
- Tài sản cố định khác	03 – 05 năm

4.6. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.13. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.17. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tiền mặt	23.918.594	92.020.979
Tiền gửi ngân hàng	1.452.115.230	839.442.814
Các khoản tương đương tiền	20.500.000.000	14.000.000.000
Cộng	21.976.033.824	14.931.463.793

(i) Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số hợp đồng	Ngày ký	Kỳ hạn	Lãi suất	Giá trị
Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Hà Nội	28122018/KLB HN-PGT Holdings	28/12/2018	01 tháng	5,5%/năm	20.500.000.000
					20.500.000.000

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con	38.650.436.818	-	30.600.000.000	5.548.035.582
Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-
Công Ty TNHH VinaTerrace Hotel	-	-	11.600.000.000	5.548.035.582
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMP)	19.650.436.818	-	-	-
Cộng	38.650.436.818	-	30.600.000.000	5.548.035.582

Chi tiết các khoản đầu tư

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Tỷ lệ (%) phần sở hữu	Tỷ lệ (%) quyết năm giữ	Tỷ lệ (%) phần sở hữu	Tỷ lệ (%) quyết năm giữ
Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát (i)	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công Ty TNHH VinaTerrace Hotel	0,00%	0,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMP)	70,00%	70,00%	0,00%	0,00%
Cộng			38.650.436.818	30.600.000.000

(i) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát theo Nghị quyết số 09/2016/QĐ-HDQT-PGT ngày 18/06/2016. Công ty đầu tư với số tiền là 19.000.000.000 đồng chiếm 100,00% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát hoạt động trong lĩnh vực tư vấn máy vi tính, đại lý môi giới bảo hiểm.

(ii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMP) theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ-PGT ngày 31/10/2017. Công ty đầu tư với số tiền là 19.650.436.818 đồng chiếm 70,00% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMP) đang hoạt động như một tổ chức Tài chính vi mô nhận tiền gửi trên khắp Myanmar, cung cấp dịch vụ tài chính vi mô cho phân khúc thị trường thấp hơn và tham gia vào tất cả các hoạt động khác được Cơ quan giám sát tài chính vi mô cho phép.

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính riêng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho các khoản đầu tư vào công ty con trong kỳ như sau:

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Số đầu kỳ	5.548.035.582	2.615.125.624
Trích lập dự phòng trong kỳ	744.730.350	2.932.909.958
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(6.292.765.932)	-
Số cuối kỳ	-	5.548.035.582

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<i>Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i>	35.993.912.208	35.993.912.208
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hiệp Đồng Tâm	27.855.320.000	27.855.320.000
- Doanh nghiệp tư nhân Gara Sửa chữa Ô tô Khánh Ngọc	5.207.287.675	5.207.287.675
- Công ty TNHH Hoàng Đạt	1.194.873.000	1.194.873.000
- Công ty TNHH XD SX TM Lê Hoàn	561.919.900	561.919.900
- Công Ty Cổ Phần Tân Tân	297.747.182	297.747.182
- Công Ty CP Kết Cấu Thép Thành Long Vineco	208.963.377	208.963.377
- Nguyễn Văn Thủy	137.870.393	137.870.393
- Cty CP XL Và Thi Coonng Cơ Giới Tây Đô	130.200.000	130.200.000
- Các khách hàng khác	399.730.681	399.730.681
Cộng	35.993.912.208	35.993.912.208

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Công ty Global Mobility Service Inc (i)	1.892.916.000	-
- Công ty TNHH Hoa Lâm Japan (ii)	535.920.000	535.920.000
- Các nhà cung cấp khác	214.109.961	438.021.961
Cộng	2.642.945.961	973.941.961

- (i) Khoản trả trước cho Hợp đồng PGT1_180517 ký kết ngày 17/05/2018 về việc tư vấn phát triển kinh doanh và sắp xếp cho các tổ chức tài chính ở Thành phố Hồ Chí Minh.
- (ii) Khoản trả trước cho Hợp đồng nghiệp vụ tư vấn giới thiệu đối tác để ký hợp đồng cho thuê khách sạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.5 Phải thu khác**a. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	886.537.223	-	386.047.157	-
- Ông KaKaZu Shogo	410.324.693	-	250.000.000	-
- Các nhân viên khác	476.212.530	-	136.047.157	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	1.751.750.000	-
BHXX phải thu	2.663.761	-	156.300	-
Phải thu khác	25.991.607.323	3.991.164.303	24.389.716.803	3.991.164.303
Phải thu khác là bên liên quan	-	-	10.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát	-	-	10.000.000	-
Phải thu khác là bên thứ ba	25.991.607.323	3.991.164.303	24.379.716.803	3.991.164.303
- Công ty Cổ phần Việt Nam Manpower Supply (i)	11.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Toki (ii)	8.940.500.000	-	8.940.500.000	-
- Công ty Cổ phần Hiệp Thành An (iii)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Vinaterrace Hotels	2.017.890.520	-	-	-
- Nguyễn Hoàng Giang	264.178.662	264.178.662	264.178.662	264.178.662
- Các đối tượng khác	769.038.141	726.985.641	12.175.038.141	726.985.641
Cộng	26.880.808.307	3.991.164.303	26.527.670.260	3.991.164.303

(i) Là khoản phải thu theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 27/12/2018 về việc Công ty Cổ phần PGT Holdings chuyển nhượng 100% phần vốn góp của mình tại Công ty TNHH Vina Terrace cho Công ty Cổ phần Việt Nam Manpower Supply.

(ii) Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0807/HĐĐT ngày 08/07/2017 giữa Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Toki (tiền thân là Công ty Cổ phần HHR) và các nhà đầu tư Nhật Bản (đại diện là Công ty Cổ phần PGT Holdings) về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án khách sạn.

(iii) Là khoản đặt cọc theo thỏa thuận đặt cọc ngày 29/12/2015 để Công ty Cổ phần Hiệp Thành An cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyển nhượng dự án bất động sản.

b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ dài hạn				
- Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình (i)	371.528.160	-	-	-
Cộng	371.528.160	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- (i) Là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng theo Hợp đồng cho thuê số 03/2018/HDTV/P11/HBH-HOLDINGS ngày 03/02/2018. Thời gian thuê từ ngày 03/02/2018 đến hết ngày 02/02/2020.

5.6 Nợ xấu

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:				
Từ 03 năm trở lên	40.518.466.511	-	39.982.546.511	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hiệp Đồng Tâm	27.855.320.000	-	27.855.320.000	-
- Doanh nghiệp tư nhân Gara Sửa chữa Ô tô				
- Khánh Ngọc	5.207.287.675	-	5.207.287.675	-
- Công ty TNHH Hoàng Đạt	1.194.873.000	-	1.194.873.000	-
- Công ty Cổ phần Hiệp Thành An	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH XD SX TM Lê Hoàn	561.919.900	-	561.919.900	-
- Công ty TNHH Hoa Lâm Japan	535.920.000	-	-	-
- Công Ty Cổ Phần Tân Tân	297.747.182	-	297.747.182	-
- Ông Nguyễn Hoàng Giang	264.178.662	-	264.178.662	-
- Công Ty CP Kết Cấu Thép Thành Long				
- Vineco	208.963.377	-	208.963.377	-
- Nguyễn Văn Thủy	137.870.393	-	137.870.393	-
- Cty CP XL Và Thi Coongng Cơ Giới Tây Đô	130.200.000	-	130.200.000	-
- Các khách hàng khác	1.124.186.322	-	1.124.186.322	-

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Số đầu năm	39.982.546.511	36.995.622.126
Trích lập dự phòng trong năm	535.920.000	3.000.000.000
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(13.075.615)
Số cuối năm	40.518.466.511	39.982.546.511

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.7 Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	01/01/2018 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2018 (VND)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	-	11.870.400	8.640.600	3.229.800
Dịch vụ mua ngoài	102.250.184	725.560.616	588.986.595	238.824.205
Cộng	102.250.184	737.431.016	597.627.195	242.054.005

b. Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2018 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2018 (VND)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	-	137.409.103	63.804.190	73.604.913
Dịch vụ mua ngoài	-	35.848.167	17.536.000	18.312.167
Cộng	-	173.257.270	81.340.190	91.917.080

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá			
01/01/2018	145.592.965	145.694.129	291.287.094
Mua sắm mới	-	-	-
31/12/2018	145.592.965	145.694.129	291.287.094
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	145.592.965	111.921.402	257.514.367
Giá trị hao mòn			
01/01/2018	145.592.965	122.709.917	268.302.882
Khấu hao trong kỳ	-	5.628.792	5.628.792
31/12/2018	145.592.965	128.338.709	273.931.674
Giá trị còn lại			
01/01/2018	-	22.984.212	22.984.212
31/12/2018	-	17.355.420	17.355.420

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán với giá trị 43.000.000 đồng, đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các nhà cung cấp là bên liên quan	-	-	286.854.665	286.854.665
- Công Ty TNHH VinaTerrace Hotel	-	-	286.854.665	286.854.665
Các nhà cung cấp độc lập	60.950.030	60.950.030	1.142.500	1.142.500
- Các nhà cung cấp khác	60.950.030	60.950.030	1.142.500	1.142.500
Cộng	60.950.030	60.950.030	287.997.165	287.997.165

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	141.758.279	141.758.279
- Thuế thu nhập cá nhân	390.166.777	390.166.777	305.594.025	305.594.025
Cộng	390.166.777	390.166.777	447.352.304	447.352.304

Tình hình biến động của các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018 (VND)		Số phát sinh trong kỳ (VND)		31/12/2018 (VND)	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	141.758.279	-	-	(151.861.260)	-	10.102.981
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.629.899.658	-	-	-	1.629.899.658
Thuế thu nhập cá nhân	305.594.025	-	415.920.848	(331.348.096)	390.166.777	-
Thuế, phí khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	447.352.304	1.629.899.658	418.920.848	(486.209.356)	390.166.777	1.640.002.639

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.12 Phải trả khác***Phải trả khác ngắn hạn***

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Kinh phí công đoàn	7.301.600	2.436.100
Nhận ký quỹ, ký cược	10.284.120	-
Phải trả khác	1.334.156.208	1.168.950.408
- <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>635.554.070</i>	<i>635.554.070</i>
- <i>Thù lao Hội đồng quản trị</i>	<i>672.029.600</i>	<i>511.829.600</i>
- <i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>26.572.538</i>	<i>21.566.738</i>
Cộng	1.351.741.928	1.171.386.508

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2018	Nhận tiền vay	Tăng do	Trả tiền vay	31/12/2018
	(VND)	trong kỳ	đánh giá	trong kỳ	(VND)
		(VND)	chênh lệch	(VND)	
			tỷ giá cuối		
			kỳ		
			(VND)		
Công ty Cổ					
phần All					
Corporatio (i)	-	22.800.000.000	338.502.126	(3.293.720.376)	19.844.781.750
Cộng	-	22.800.000.000	338.502.126	(3.293.720.376)	19.844.781.750

(i) Khoản vay tín chấp ngắn hạn Công ty Cổ phần All Corporation theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 17/05/2018 với số tiền vay 1.000.000,00 USD. Mục đích vay là để thực hiện thanh toán một phần tiền đặt cọc cho việc thu mua dự án Trung tâm thương mại - Dịch vụ - Cao ốc văn phòng - Khách sạn quốc tế - căn hộ tại số 485 Nguyễn Tất Thành, quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn vay 360 ngày, lãi suất vay 0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.14 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng (VND)
01/01/2017	92.418.010.000	55.260.000	-	1.705.559.758	(18.458.031.138)	75.716.084.561
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	(7.780.523.034)	(7.780.523.034)
Mua cổ phiếu quỹ trong năm trước	-	-	(1.739.635.316)	-	-	(1.739.635.316)
31/12/2017	92.418.010.000	55.260.000	(1.744.349.375)	1.705.559.758	(26.238.554.172)	66.195.926.211
01/01/2018	92.418.010.000	55.260.000	(1.744.349.375)	1.705.559.758	(26.238.554.172)	66.195.926.211
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	279.416.372	279.416.372
31/12/2018	92.418.010.000	55.260.000	(1.744.349.375)	1.705.559.758	(25.959.137.800)	66.475.342.583

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	92.418.010.000	92.418.010.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	92.418.010.000	92.418.010.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.241.801	9.241.801
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(384.196)	(384.196)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(384.196)	(384.196)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.857.605	8.857.605
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.857.605	8.857.605

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Tổng doanh thu	18.698.400	3.099.528.273
Doanh thu cung cấp dịch vụ lưu trú khách sạn	-	6.801.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	18.698.400	3.092.727.273
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần, trong đó	18.698.400	3.099.528.273

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	12.534.284	251.202.603
Cộng	12.534.284	251.202.603

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	25.445.855	762.790.157
- Lãi cho vay	60.000.000	133.906.785
- Lãi chênh lệch tỷ giá	165.088.804	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.387	1.050.256
Cộng	250.537.046	897.747.198

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Hoàn nhập/Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(5.548.035.582)	2.932.909.958
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	419.101.001	-
Cộng	(5.128.934.581)	2.932.909.958

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	3.918.553.022	3.823.490.048
- Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý	136.473.735	555.120.566
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.628.792	5.628.792
- Thuế, phí và lệ phí	3.082.000	3.040.000
- Hoàn nhập/trích chi phí dự phòng	535.920.000	2.986.924.385
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.448.680.710	642.997.312
- Chi phí bằng tiền khác	4.005.632	489.791.600
Cộng	7.052.343.891	8.506.992.703

6.6. Thu nhập khác

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Thu nhập khác phát sinh từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con	2.017.890.520	-
Cộng	2.017.890.520	-

6.7. Chi phí khác

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Nộp phạt vi phạm hành chính	-	86.693.241
- Chi phí khác	71.766.000	-
Cộng	71.766.000	86.693.241

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí nhân viên	3.931.087.306	4.074.692.651
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	136.473.735	555.120.566
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.628.792	5.628.792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.448.680.710	642.997.312
Chi phí bằng tiền khác	7.087.632	492.831.600
Cộng	6.528.958.175	5.771.270.921

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Cộng	-	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	279.416.372	(7.780.523.034)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Điều chỉnh tăng	125.168.180	86.693.241
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ	53.402.180	-
Chi phí không hợp lệ	71.766.000	86.693.241
Điều chỉnh giảm	-	-
Chuyển lỗ của các năm trước	(404.584.552)	-
Thu nhập tính thuế	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi cho vay chưa thu được bằng tiền	-	84.000.000
Thanh lý khoản đầu tư chưa thu	11.000.000.000	-

8 THÔNG TIN KHÁC**8.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có****8.2. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Tại ngày 06 tháng 08 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 70.000 cổ phần với số tiền 19.650.436.818 đồng từ các cổ đông của Công ty TNHH BMF MICROFINANCE để sở hữu 70,00% vốn điều lệ của Công ty TNHH BMF MICROFINANCE.

Tại ngày 28 tháng 12 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng trị giá phần vốn góp 11.600.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty tại Công ty TNHH Vina Terrace Hotels cho Công ty Cổ phần VIETNAM MANPOWER SUPPLY với giá trị chuyển nhượng là 11.600.000.000 đồng.

Ngoài sự việc nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

8.3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2019/NQ-HĐQT-PGT ngày 25/01/2019, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần PGT Holdings thông qua việc mua lại phần vốn góp 11.600.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Vina Terrace Hotels từ Công ty Cổ phần VIETNAM MANPOWER SUPPLY với giá chuyển nhượng 12.500.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 01 năm 2019 Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Vina Terrace Hotels với số tiền 12.500.000.000 đồng. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 01 năm 2019, Công ty Cổ phần PGT Holdings đã ký kết Hợp đồng chuyển giao toàn bộ quyền kinh doanh của Công ty TNHH Vina Terrace Hotels mà Công ty đang sở hữu cho Inoshita Group Co., Ltd với giá chuyển giao quyền kinh doanh là 85 triệu Yên tương đương 17.978.428.200 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2018) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

8.4. Thông tin về các bên có liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lương thưởng của Ban Tổng Giám đốc	1.849.666.705	1.562.685.000
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	468.000.000	360.000.000
Cộng	2.317.666.705	1.922.685.000

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các thành viên chủ chốt như và các cá nhân có liên quan sau:

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Tạm ứng	877.000.000	550.000.000
Hoàn ứng	716.675.307	300.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên chủ chốt như và các cá nhân có liên quan sau:

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tạm ứng của công nhân viên	410.324.693	250.000.000
Cộng nợ phải thu	410.324.693	250.000.000

Các bên liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát	Công ty con
- Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMP)	Công ty con

Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Công Ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát		
Chi hộ	-	10.000.000
Thu tiền chi hộ	10.000.000	10.000.000
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMP)		
Góp vốn	19.650.436.818	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Số dư với các bên liên quan

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Phải thu khác	-	10.000.000
Cộng nợ phải thu	-	10.000.000

8.5. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Hội đồng quản trị thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
31/12/2018			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.976.033.824	-	21.976.033.824
Phải thu khách hàng	35.993.912.208	-	35.993.912.208
Các khoản phải thu khác	26.891.092.427	371.528.160	27.262.620.587
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(39.982.546.511)	-	(39.982.546.511)
Tổng cộng	44.878.491.948	371.528.160	45.250.020.108
31/12/2018			
Phải trả cho người bán	(60.950.030)	-	(60.950.030)
Phải trả khác	(1.341.457.808)	-	(1.341.457.808)
Chi phí phải trả	(19.200.000)	-	(19.200.000)
Vay và nợ thuê tài chính	(19.844.781.750)	-	(19.844.781.750)
Tổng cộng	(21.266.389.588)	-	(21.266.389.588)
Chênh lệch thanh khoản thuần	23.612.102.360	371.528.160	23.983.630.520
01/01/2018			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.931.463.793	-	14.931.463.793
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	35.993.912.208	-	35.993.912.208
Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Các khoản phải thu khác	26.527.670.260	-	26.527.670.260
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(39.982.546.511)	-	(39.982.546.511)
Tổng cộng	40.470.499.750	-	40.470.499.750
01/01/2018			
Phải trả cho người bán	(287.997.165)	-	(287.997.165)
Phải trả khác	(1.171.386.508)	-	(1.171.386.508)
Tổng cộng	(1.459.383.673)	-	(1.459.383.673)
Chênh lệch thanh khoản thuần	39.011.116.077	-	39.011.116.077

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.976.033.824	14.931.463.793	21.976.033.824	14.931.463.793
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	35.993.912.208	35.993.912.208	2.530.000	2.530.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Các khoản phải thu khác	27.262.620.587	26.527.670.260	23.271.456.284	22.536.505.957
Tổng cộng	85.232.566.619	80.453.046.261	45.250.020.108	40.470.499.750
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	60.950.030	287.997.165	60.950.030	287.997.165
Phải trả khác	19.200.000	-	19.200.000	-
Chi phí phải trả	1.341.457.808	1.171.386.508	1.341.457.808	1.171.386.508
Dự phòng phải trả ngắn hạn	19.844.781.750	-	19.844.781.750	-
Tổng cộng	21.266.389.588	1.459.383.673	21.266.389.588	1.459.383.673

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.6. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán.

8.7. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

8.8. Thông tin về bộ phận

Trong năm Công ty chỉ phát sinh hoạt động cho thuê văn phòng. Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

Ngày 22 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Ngọc Thanh Tuyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Ngọc Thanh Tuyền

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kakazu Shogo

